

Bản án số:171/2019/DS-ST

Ngày 25 - 11 - 2019

V/v tranh chấp “ Hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yển.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Minh Thắng

Ông Nguyễn Văn Hiên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:439/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tiêu Thanh C, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Ấp C N, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng N và bà Thái Thị T; Cùng cư trú: Ấp H H T, xã N C, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Tiêu Thanh C trình bày:

Ông N và bà T có tham gia 02 chung hụi do ông làm chủ hụi cụ thể như sau:

Hụi 2.000.000đồng/nửa tháng, mở ngày 25/6/2014 al, có 31 chung, ông N, bà T tham gia 01 chung. Đến ngày 25/10/2014 vợ chồng ông N bỏ hốt, sau khi hốt ông N đóng đến ngày 10/02/2015 al thì không đóng nữa, chung hụi này hiện nay đã mất. Đối với chung hụi này, ông N và bà T còn thiếu 14,5 lần bằng 29.000.000 đồng.

Hội 5.000.000đồng/tháng, mở ngày 15/6/2014 al, có 27 chung, ông N, bà T tham gia 01 chung. Đến ngày 15/7/2014 al thì bỏ hội hốt, sau đó vợ chồng ông N đóng đến ngày 15/02/2015 al thì không đóng. Chung hội này hiện nay đã mãn. Ông N và bà T còn thiếu 18 lần bằng 90.000.000 đồng. Nay ông C cần yêu cầu ông N, bà T trả cho ông số tiền hội 02 chung bằng 119.000.000 đồng và số tiền lãi 02 chung bằng 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 149.000.000 đồng.

Đối với ông Lê Hoàng N và bà Thái Thị T, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng ông N và bà T vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D phát biểu quan điểm như sau: việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiêu Thanh C. Buộc ông Lê Hoàng N và bà Thị T trả cho ông C tổng số tiền hội 149.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông N và bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Hoàng N và bà Thái Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử nhưng ông N và bà T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng cho ông N và bà T đúng quy định pháp luật nhưng ông N và bà T không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông C, căn cứ danh sách hội viên ngày 25/6/2014 al và ngày 15/6/2014 al và các biên bản ghi lời khai của bà Quách Thị L và bà Ngô Hồng Ú có căn cứ xác định ông N có tham gia các chung hội do ông C làm chủ hội.

Xét yêu cầu của ông C thấy rằng, tại biên bản ghi lời khai của bà Quách Thị L và bà Ngô Hồng Ú xác định vợ chồng ông N có tham gia hội của ông C, sau khi hốt hội thì không đóng hội chết cho ông C. Mặt khác, tại giấy “xác nhận ngày 20/2/2016” ông N thừa nhận có thiếu ông C số tiền hội là 119.000.000 đồng và số tiền lãi là 45.000.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định ông N có thiếu số tiền hội theo nội dung khởi kiện của ông C.

Xét số tiền lãi ông C yêu cầu thấy rằng: Tại giấy “xác nhận ngày 20/2/2016” do ông N ký tên thể hiện ông N thiếu số tiền lãi của 02 chung hội là 45.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa ông C chỉ yêu cầu ông N trả số tiền lãi 30.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông C và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch dân sự giữa ông C và ông N, bà T trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Mặt khác, số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông N và bà T nên được xác định là nợ chung của vợ chồng. Từ những phân tích trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiêu Thanh C. Buộc ông Lê Hoàng N và bà Thái Thị T cùng chịu trách nhiệm trả cho ông Tiêu Thanh C tổng số tiền hui 149.000.000 đồng

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N và bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiêu Thanh C. Buộc ông Lê Hoàng N và bà Thái Thị T cùng chịu trách nhiệm trả cho ông Tiêu Thanh C số tiền hui 149.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày ông Tiêu Thanh C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Hoàng N và bà Thái Thị T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông N và bà T còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hoàng N và bà Thái Thị T phải chịu 7.450.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

Ông Tiêu Thanh C không phải chịu (thuộc đối tượng được miễn).

4. Ông Tiêu Thanh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Hoàng N và bà Thái Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đ D;
- Chi cục THADS huyện Đ D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến